

VIỆT BẮC

(Trích – tiếp theo)

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Cảm nhận được một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước ; qua đó thấy rõ : Từ tình cảm thuỷ chung truyền thống của dân tộc, Tố Hữu đã nâng lên thành một tình cảm mới, in đậm nét thời đại, đó là ân tình cách mạng – một cội nguồn sức mạnh quan trọng tạo nên thắng lợi của cách mạng và kháng chiến.

– Nắm vững phương thức diễn tả và tác dụng của bài thơ : Nội dung trữ tình chính trị được thể hiện bằng một hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc, có sức tác động sâu xa, làm dạt dào thêm tình yêu quê hương đất nước trong tâm hồn mỗi người Việt Nam.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Bài thơ *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là thành tựu xuất sắc của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Bài thơ ra đời nhân một sự kiện lịch sử : Tháng 10 năm 1954, những người kháng chiến rời căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại Thủ đô Hà Nội. Từ điểm xuất phát ấy, bài thơ ngược về quá khứ để tưởng nhớ một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, để nói lên nghĩa tình gắn bó thắm thiết với Việt Bắc, với Đảng và Bác Hồ, với đất nước và nhân dân – tất cả là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn để dân tộc ta vững vàng bước tiếp trên con đường cách mạng. Nội dung ấy được thể hiện bằng hình thức đậm tính dân tộc, vì thế bài thơ rất tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.

– Có thể coi *Việt Bắc* là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến mà cội nguồn sâu xa của nó là tình yêu quê hương đất nước, là niềm tự hào về sức mạnh của nhân dân, là truyền thống ân nghĩa, đạo lí thủy chung của dân tộc Việt Nam.

2. Trọng tâm bài học

– Âm hưởng chủ yếu của bài thơ là khúc ca ân nghĩa, là hồi tưởng đầy xúc động và ân tình của Tố Hữu về chặng đường mười lăm năm đã qua của đất nước (từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến hoà bình lập lại năm 1954), từ đó mà hướng về tương lai tươi sáng, nhắc nhở tâm nguyện thủy chung. GV cần làm rõ hiện thực cách mạng và tình cảm cách mạng là nét chủ đạo trong nội dung của *Việt Bắc*.

– Viết về nghĩa tình dân tộc và hướng về đồng bào mình, Tố Hữu đã phát huy được hình thức nghệ thuật mang tính dân tộc, trong đó nổi bật là cách sử dụng thể thơ lục bát và ngôn ngữ thơ đậm sắc thái dân gian. GV cần nhấn mạnh : Chính nội dung cách mạng kết hợp với hình thức dân tộc đã làm cho bài thơ có hiệu quả to lớn, tác động sâu sắc vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Toàn bộ bài thơ là một niềm hoài niệm lớn, day dứt khôn nguôi, được thể hiện qua hình thức đối đáp giữa người ra đi và người ở lại, giữa người cán bộ và người dân Việt Bắc, giữa *ta* và *mình*, rất đậm đà tình nghĩa của ca dao. Để tạo không khí, sau khi giới thiệu tác giả, tác phẩm, GV có thể cho HS đọc một số đoạn theo kiểu phân vai (hai em đối đáp : một em đọc lời người ra đi, một em đọc lời người ở lại).

– Các ý trong bài thơ đan cài vào nhau, vì thế không nên cho HS chia đoạn bài thơ này. GV nên phân tích bài thơ theo hệ thống câu hỏi trong SGK ; nên khai thác ý bằng cách nêu câu hỏi, HS trả lời, thảo luận, nhận xét, GV khái quát, chốt lại ý phân tích. Chú ý biểu dương những HS có câu trả lời hay, sáng tạo, giàu cảm xúc.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Phân tích bài thơ theo hướng gợi dẫn của 4 câu hỏi phần *Hướng dẫn học bài* trong SGK.

Câu 1

Việt Bắc được Tố Hữu sáng tác vào tháng 10 – 1954, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của

Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc về lại Thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu để về xuôi. Bài thơ như được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt, đầy xúc động băng khuâng: “Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”. Đây là cuộc chia tay của những người từng sống gắn bó suốt “mười lăm năm ấy”, có biết bao kỉ niệm ân tình, từng sẻ chia mọi cay đắng, ngọt bùi, nay cùng nhau gọi lại những hồi ức đẹp đẽ, khẳng định nghĩa tình thủy chung và hướng về tương lai tươi sáng. Chuyện ân tình cách mạng đã được Tố Hữu khéo léo thể hiện như tâm trạng của tình yêu lứa đôi.

Diễn biến tâm trạng như trong tình yêu lứa đôi được tổ chức theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao, dân ca, bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ tâm sự, người hô ứng, đồng vọng. Hỏi và đáp đều mở ra bao nhiêu kỉ niệm về một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, mở ra bao nhiêu nỗi niềm nhớ thương. Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là độc thoại, là sự biểu hiện tâm tư, tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.

Câu 2

Qua hồi tưởng của chủ thể trữ tình, cảnh và người Việt Bắc hiện lên thật đẹp. Nỗi nhớ thiết tha của người cán bộ sắp về xuôi đã khắc sâu hình ảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc với vẻ đẹp vừa hiện thực, vừa thơ mộng, thi vị, gọi rõ những nét riêng biệt, độc đáo, khác hẳn những miền quê khác của đất nước. Chỉ những người đã từng sống ở Việt Bắc, coi Việt Bắc cũng là quê hương thân thiết của mình mới có nỗi nhớ thật da diết, những cảm nhận thật sâu sắc, thấm thía về ánh nắng ban chiều, ánh trăng buổi tối, những bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, những núi rừng, sông suối mang những cái tên thân thuộc – tất cả là khoảng thời gian và không gian lung linh kỉ niệm (dẫn đoạn thơ từ câu “Nhớ gì như nhớ người yêu” đến câu “Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”). Nhưng có lẽ đẹp nhất trong nỗi nhớ về Việt Bắc là sự hoà quyện thấm thiết giữa cảnh với người, là ấn tượng không thể phai mờ về những người dân Việt Bắc cần cù trong lao động, thủy chung trong nghĩa tình (dẫn đoạn thơ từ câu “Ta về, mình có nhớ ta” đến câu “Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”). Có thể thấy, thiên nhiên Việt Bắc hiện lên với bao vẻ đẹp thật đa dạng, phong phú, sinh động, thay đổi theo từng thời tiết, từng mùa. Gắn bó với từng khung cảnh ấy là hình ảnh những con người bình dị: người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng,... Bằng những việc làm tưởng chừng nhỏ bé của mình, họ đã góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. Chính nghĩa tình của nhân dân với cán bộ, bộ đội, sự đồng cảm và san sẻ, cùng

chung mọi gian khổ và niềm vui, cùng gánh vác mọi nhiệm vụ nặng nề, khó khăn,... tất cả càng làm Việt Bắc thêm ngời sáng trong tâm trí của nhà thơ. Việt Bắc – đó là hình ảnh những mái nhà “Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”, là hình ảnh người mẹ trong cái nắng cháy lưng “Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô”, là những tháng ngày đồng cam cộng khổ “Thương nhau, chia củ sắn lùi – Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”,... Có thể nói, âm hưởng trữ tình vang vọng suốt bài thơ đã tạo nên khúc ca ngọt ngào, đậm thắm của tình đồng chí, nghĩa đồng bào, của tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, yêu đời.

Câu 3

– Theo dòng hồi tưởng của chủ thể trữ tình, bài thơ dẫn người đọc vào khung cảnh Việt Bắc chiến đấu với không gian núi rừng rộng lớn, những hoạt động tấp nập, những hình ảnh hào hùng, những âm thanh sôi nổi, dồn dập, náo nức. Cách mạng và kháng chiến đã xua tan vẻ âm u, hiu hắt của núi rừng, đồng thời khơi dậy sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên và con người Việt Bắc. Bài thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca, mang dáng vẻ một sử thi hiện đại, bởi vì chỉ cần phác họa khung cảnh hùng tráng ở Việt Bắc, Tố Hữu đã cho thấy khí thế vô cùng mạnh mẽ của cả một dân tộc đứng lên chiến đấu vì Tổ quốc độc lập, tự do (dẫn đoạn thơ từ câu “Những đường Việt Bắc của ta” đến câu “Đèn pha bật sáng như ngày mai lên”). Dân tộc ấy đã vượt qua bao thiếu thốn, gian khổ, hi sinh để lập nên những kì tích, những chiến công gắn với những địa danh : Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên,... Nhưng Tố Hữu không chỉ miêu tả khí thế hào hùng của cuộc kháng chiến mà còn đi sâu lí giải những cội nguồn sức mạnh đã dẫn tới chiến thắng. Đó là sức mạnh của lòng căm thù : “Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”, sức mạnh của tình nghĩa thủy chung : “Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi”, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của sự hoà quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên – tất cả tạo thành hình ảnh *đất nước đứng lên* (dẫn đoạn thơ từ câu “Nhớ khi giặc đến giặc lùng” đến câu “Đất trời ta cả chiến khu một lòng”).

– Đặc biệt, với những lời thơ trang trọng mà thiết tha, Tố Hữu đã nhấn mạnh, khẳng định Việt Bắc là quê hương của Cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ bao tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước. Trong những năm tháng đen tối trước Cách mạng, hình ảnh Việt Bắc hiện dần từ mờ xa “Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù” đến xác định như một chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh sẽ mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc (dẫn đoạn thơ từ câu “Mình về, còn nhớ núi non” đến câu “Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?”). Trong những ngày kháng chiến gian lao, Việt Bắc là nơi có “Cụ Hồ

sáng soi”, có “Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công”. Để khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc, Tố Hữu lại dùng những vần thơ rất mộc mạc, giản dị mà thấm thiết nghĩa tình (dẫn đoạn thơ từ câu “Ở đâu đâu đón giống nòi” đến câu “Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hoà”).

Câu 4

Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ đậm đà tính dân tộc. Điều đáng chú ý trước hết là Tố Hữu đã phát huy được nhiều thế mạnh của thể lục bát truyền thống.

– Cấu tứ của bài thơ là cấu tứ ca dao với hai nhân vật trữ tình là *ta* và *mình*, người ra đi và người ở lại hát đối đáp với nhau. Trong cuộc hát đối đáp chia tay lịch sử này, người ở lại lên tiếng trước, nhớ về một thời xa hơn, thời đấu tranh gian khổ trước Cách mạng, sau đó người ra đi nối tiếp nhớ lại kỉ niệm thời chín năm kháng chiến.

– Nhà thơ rất chú ý sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao, chẳng những có tác dụng nhấn mạnh ý mà còn tạo ra nhịp thơ uyển chuyển, cân xứng, hài hoà, làm cho lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc, thấm sâu vào tâm tư : “Mình về rừng núi nhớ ai – Trám bùi để rụng / măng mai để già” ; “Điều quân chiến dịch thu đông – Nông thôn phát động / giao thông mở đường”,...

– Về ngôn ngữ thơ, Tố Hữu chú ý sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào tình nghĩa. Đó là thứ ngôn ngữ rất giàu hình ảnh cụ thể : “Nghìn đêm *thăm thẳm sương dày*”, “Nắng trưa *rực rỡ sao vàng*”, ... và cũng là thứ ngôn ngữ rất giàu nhạc điệu : “Chày *đem* nện cối *đều đều* suốt xa”, “*Đêm đêm* rầm rập như là *đất rung*”, ...

Đặc biệt, thơ Tố Hữu sử dụng rất nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian : “*Mình về*, mình *có nhớ ta*”, “*Mình về*, *có nhớ* chiến khu”, “*Nhớ sao* lớp học *i tờ*”, “*Nhớ sao* ngày tháng *cơ quan*”, “*Nhớ sao* tiếng mõ *rừng chiều*”, ... tất cả tạo ra một giọng điệu trữ tình nghe thiết tha, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru, đưa ta vào thế giới của kỉ niệm và tình nghĩa thủy chung.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Từ bài thơ *Việt Bắc*, HS có thể rút ra bài học sâu sắc về đạo lí thủy chung của dân tộc, về ân tình cách mạng. Theo định hướng đó, cuối tiết thứ hai, GV có thể cho HS phát biểu cảm nghĩ, thu hoạch của mình sau khi học xong bài thơ. GV chọn và cho HS học thuộc một số đoạn thơ tiêu biểu, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Đại từ xưng hô *ta – mình* hay được dùng trong ca dao. Ở bài thơ này, Tố Hữu dùng hai đại từ ấy để gợi không khí ca dao, làm cho tình cảm giữa người ra đi với người ở lại, giữa người cán bộ với người dân Việt Bắc thêm gần gũi, thân mật, tự nhiên, chân tình. Hai đại từ này được Tố Hữu sử dụng rất biến hoá: “*Mình về mình có nhớ ta*” (*mình* : người cán bộ ; *ta* : người Việt Bắc), “*Ta về mình có nhớ ta*” (*ta* : người cán bộ ; *mình* : người Việt Bắc), “*Mình đi mình lại nhớ mình*” (*mình*, hai chữ đầu : người cán bộ ; chữ cuối : cả người cán bộ và người Việt Bắc),... Cách sử dụng đại từ như thế thể hiện sự hoà quyện, gắn bó thắm thiết, không thể tách rời, son sắt thủy chung giữa những người kháng chiến với nhân dân, đất nước.

Bài tập 2

Có thể chọn hai đoạn tiêu biểu :

– Vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc (từ câu “*Ta về mình có nhớ ta*” đến câu “*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*”).

– Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu (từ câu “*Những đường Việt Bắc của ta*” đến câu “*Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*”).

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hạnh, *Tính nhân dân trong bài thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu*, trong *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1997.
2. Trần Đình Sử, *Việt Bắc – niềm hoài niệm tha thiết đối với một thời cách mạng*, trong *Phân tích và bình giảng tác phẩm văn học 12*, NXB Giáo dục, 1997.